VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1058/QĐ-TTg	*Hà Nội, ngày 14 tháng 9 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Chiến lược phát triển ngành nghề nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn;

Căn cứ Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2023 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khóa XIII) về nông nghiệp, nông thôn, nông dân đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển nông nghiệp, nông thôn bền vững giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 801/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình bảo tồn và phát triển làng nghề giai đoạn 2021 - 2030;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chiến lược phát triển ngành nghề nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (sau đây gọi tắt là Chiến lược), bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

I. QUAN ĐIỂM

1. Phát triển ngành nghề nông thôn phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước về xây dựng và phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn; góp phần xây dựng nông thôn phát triển toàn diện, bền vững; coi hoạt động ngành nghề nông thôn là lĩnh vực nhiều tiềm năng, góp phần nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của người dân nông thôn, đóng góp cho phát triển kinh tế - xã hội.

2. Phát triển ngành nghề nông thôn hiệu quả, bền vững, tích hợp đa giá trị và dựa trên tiềm năng, lợi thế về điều kiện tự nhiên và kinh tế - xã hội của địa phương; bảo đảm tăng trưởng xanh, sản xuất theo chuỗi giá trị, ứng dụng khoa học công nghệ mới, đổi mới sáng tạo và góp phần bảo vệ cảnh quan, môi trường nông thôn.

3. Bảo tồn, khôi phục và giữ gìn các giá trị lịch sử văn hóa truyền thống, không gian nông thôn và xây dựng môi trường nông thôn xanh - sạch - đẹp; khơi dậy tiềm năng, phát huy lợi thế của các sản phẩm ngành nghề nông thôn gắn với yêu cầu về nâng cao chất lượng, mẫu mã sản phẩm, truy xuất nguồn gốc, vệ sinh an toàn thực phẩm, đáp ứng yêu cầu thị trường.

4. Đa dạng các hình thức tổ chức doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ gia đình trong sản xuất, kinh doanh các hoạt động ngành nghề nông thôn; hình thành liên kết giữa các hộ sản xuất với các tổ hợp tác, hợp tác xã, doanh nghiệp, hiệp hội ngành nghề; tạo bước đột phá trong chuyển dịch từ kinh tế hộ sang kinh tế hợp tác.

5. Tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện các cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn; huy động các nguồn lực của các thành phần kinh tế đầu tư vào ngành nghề nông thôn.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Phát triển ngành nghề nông thôn nhằm phát huy tiềm năng của khu vực nông thôn, nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh, tăng thu nhập, tạo công ăn việc làm và cải thiện đời sống vật chất, tinh thần của người dân; góp phần bảo vệ môi trường, tôn tạo, giữ gìn cảnh quan, phát huy truyền thống, bản sắc văn hóa dân tộc; phát triển kinh tế nông thôn gắn với mục tiêu nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại và nông dân văn minh.

2. Mục đến năm 2030

- Tốc độ tăng trưởng của nhóm ngành nghề nông thôn đạt khoảng 6,0 - 7,0%/năm.

- Thu nhập bình quân lao động trong các hoạt động ngành nghề nông thôn gấp 2,5 - 3 lần so với năm 2020.

- Thu hút được khoảng 5 triệu lao động thường xuyên trong các hoạt động ngành nghề nông thôn.

- Giá trị xuất khẩu các mặt hàng ngành nghề nông thôn đạt trên 6,0 tỷ USD/năm.

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo khu vực ngành nghề nông thôn là 80% và tỷ lệ được cấp bằng, chứng chỉ đạt 35%.

- Hình thành các vùng nguyên liệu tập trung, ổn định đáp ứng 70% nhu cầu phát triển ngành nghề nông thôn.

3. Tầm nhìn đến năm 2045

- Ngành nghề nông thôn tiếp tục là hoạt động mang lại thu nhập, tạo việc làm cho lao động ở nông thôn, góp phần vào tăng trưởng chung của nền kinh tế quốc dân.

- Phát triển ngành nghề nông thôn theo hướng phát triển bền vững, thông minh, thân thiện với môi trường, gắn với xây dựng không gian nông thôn xanh, sạch, đẹp; gìn giữ và phát huy các giá trị văn hoá, lịch sử và truyền thống của vùng, miền.

III. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NGÀNH NGHỀ NÔNG THÔN ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045

1. Định hướng phát triển theo nhóm ngành nghề nông thôn

a) Nhóm chế biến, bảo quản nông, lâm, thủy sản

- Tăng tỷ lệ sử dụng máy móc, thiết bị và áp dụng các tiến bộ kỹ thuật, công nghệ hiện đại, thân thiện với môi trường vào sản xuất. Kết hợp phương pháp sản xuất truyền thống và hiện đại nhằm bảo tồn, phát huy các sản phẩm đặc trưng vùng, miền, địa phương.

- Cải tiến quy trình sản xuất theo chuỗi, đảm bảo dinh dưỡng và vệ sinh an toàn thực phẩm, nâng cao chất lượng sản phẩm nhằm tăng sức cạnh tranh, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm trong nước và hướng tới xuất khẩu.

b) Nhóm sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ

- Tạo các mẫu mã sản phẩm mới phù hợp với thị hiếu của người tiêu dùng trong nước và xuất khẩu; phát triển sản xuất theo hướng làm quà tặng, đồ lưu niệm phục vụ đối tượng khách du lịch.

- Tăng cường liên kết giữa các làng nghề thủ công mỹ nghệ, kết hợp các nguyên liệu, vật liệu tạo ra các sản phẩm mới, độc đáo, có tính nghệ thuật, có khả năng sử dụng cao.

- Nghiên cứu, khuyến khích sử dụng nguyên liệu mới có nguồn gốc rõ ràng, thân thiện với môi trường thay thế cho các nguyên liệu truyền thống đang dần khan hiếm.

- Tạo điều kiện hỗ trợ nghệ nhân, thợ giỏi và người lao động tham gia các khóa học thiết kế mẫu mã, tạo hình, phối màu, phối hợp chất liệu trong sản xuất sản phẩm thủ công mỹ nghệ.

c) Nhóm xử lý, chế biến nguyên vật liệu phục vụ sản xuất ngành nghề nông thôn

- Nâng cao năng lực các cơ sở xử lý, chế biến tạo ra các loại nguyên liệu mới, phù hợp với xu hướng phát triển của ngành nghề nông thôn; nhất là sản xuất nguyên liệu tái chế, thân thiện với môi trường và thay thế cho nguyên liệu nhập khẩu.

- Hình thành các vùng nguyên liệu tập trung, quy mô lớn được cấp chứng chỉ bền vững gắn với các nhà máy sơ chế, chế biến, sản xuất các sản phẩm ngành nghề nông thôn, giảm phụ thuộc vào nguồn nguyên liệu nhập khẩu.

- Hình thành các điểm sơ chế, chế biến các nguyên liệu cung cấp cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh ngành nghề nông thôn.

d) Nhóm sản xuất đồ gỗ, mây tre đan, gốm sứ, thủy tinh, dệt may, sợi, thêu ren, đan lát, cơ khí nhỏ

- Tập trung sản xuất các sản phẩm có tiềm năng, có tính thương mại cao đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu.

- Kết hợp các nguyên liệu, vật liệu khác nhau, tạo ra các sản phẩm mới đa dạng về mẫu mã, kiểu dáng, kích thước.

đ) Nhóm sản xuất và kinh doanh sinh vật cảnh

- Hình thành các vùng chuyên canh sản xuất, kinh doanh sinh vật cảnh, hướng tới hình thành ngành kinh tế xanh.

- Đa dạng các sản phẩm mới, độc đáo phù hợp với văn hóa, nhu cầu của người dân.

- Hình thành các hiệp hội sinh vật cảnh, tạo sân chơi cho nghệ nhân, người chơi chia sẻ kinh nghiệm và phối hợp sản xuất, kinh doanh.

- Nghiên cứu, nhân giống, lai tạo, thiết kế và chế tác tạo các sản phẩm đặc sắc, nhưng vẫn giữ được nét văn hóa truyền thống của dân tộc Việt Nam.

e) Nhóm sản xuất muối

- Hỗ trợ đầu tư phát triển sản xuất muối ở các địa phương có điều kiện tự nhiên thuận lợi, hình thành vùng sản xuất muối tập trung, quy mô lớn gắn với chế biến, thu hồi các sản phẩm sau muối.

- Bảo tồn và phát triển các phương pháp sản xuất, chế biến muối thủ công; giữ gìn giá trị truyền thống và nâng cao giá trị hạt muối.

- Liên kết các ngành chế biến thực phẩm, y tế, công nghiệp hóa chất, khai thác biển; xây dựng các mô hình đồng muối sạch, đẹp gắn với du lịch làng nghề, du lịch sinh thái.

- Phát triển các tổ hợp tác, hợp tác xã, làng nghề diêm dân theo hướng liên kết chuỗi giá trị; đa dạng hoá các sản phẩm muối, đáp ứng nhu cầu trong nước và hướng tới xuất khẩu.

g) Nhóm dịch vụ phục vụ sản xuất, đời sống dân cư nông thôn

- Hình thành hợp tác xã, tổ hợp tác, cá nhân cung cấp các dịch vụ phục vụ sản xuất kinh doanh của người dân ở nông thôn.

- Đa dạng hóa các loại hình và mở rộng quy mô các dịch vụ phục vụ sản xuất, đời sống ở khu vực nông thôn; chuyển dịch cơ cấu từ sản xuất nông nghiệp sang cung cấp các loại dịch vụ, đáp ứng nhu cầu vui chơi, giải trí của người dân khu vực nông thôn.

2. Định hướng bảo tồn và phát triển làng nghề

- Tập trung bảo tồn, khôi phục các nghề, làng nghề truyền thống đang có nguy cơ mai một, thất truyền, gắn với du lịch; xây dựng các kênh phân phối, giới thiệu sản phẩm làng nghề; phong tặng, tôn vinh và phát triển đội ngũ nghệ nhân, thợ giỏi, người lao động trong các làng nghề, làng nghề truyền thống.

- Ưu tiên thành lập các hội, hiệp hội nghề ở các địa phương, các trung tâm đổi mới sáng tạo, doanh nghiệp, cơ sở dạy nghề; hỗ trợ thiết kế mẫu mã, hoàn thiện sản phẩm, thông tin thị trường phục vụ bảo tồn và phát triển nghề, làng nghề.

3. Thị trường tiêu thụ sản phẩm

- Đối với thị trường trong nước: Kết nối tiêu thụ sản phẩm với các đô thị lớn; đa dạng hóa các loại hình dịch vụ nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng ngày càng cao; xây dựng các chương trình du lịch nông thôn, du lịch làng nghề để xuất khẩu tại chỗ các sản phẩm ngành nghề nông thôn.

- Đối với thị trường xuất khẩu: Đa dạng hóa các sản phẩm xuất khẩu vào các thị trường truyền thống như Trung Quốc, Mỹ, châu Âu, Nhật Bản, Hàn Quốc…; mở rộng sang các thị trường tiềm năng khu vực Trung Đông, Mỹ La tinh, châu Phi.

- Định kỳ tổ chức các sự kiện quy mô vùng, cả nước và quốc tế nhằm quảng bá, xúc tiến thương mại, trao đổi kinh nghiệm về phát triển các sản phẩm ngành nghề nông thôn.

4. Bảo vệ môi trường gắn với phát triển du lịch nông nghiệp, nông thôn, du lịch làng nghề

- Khẩn trương di dời các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm trong khu dân cư vào các cụm công nghiệp, khu sản xuất tập trung. Giữ gìn cảnh quan nông thôn gắn với làng sinh thái, thông minh, bảo đảm xanh, sạch, đẹp và thân thiện môi trường.

- Triển khai hiệu quả Chương trình phát triển du lịch nông thôn, du lịch làng nghề trong xây dựng nông thôn mới; tập trung thu hút đầu tư, hoàn thiện cơ sở vật chất; đa dạng hóa và nâng cao chất lượng sản phẩm du lịch; phát huy các giá trị văn hóa truyền thống nông thôn; đa dạng hoạt động trải nghiệm du lịch làng nghề, du lịch nông thôn.

IV. CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU PHÁT TRIỂN NGÀNH NGHỀ NÔNG THÔN

1. Hoàn thiện thể chế, chính sách

- Nghiên cứu, đề xuất sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện cơ chế, chính sách cho phát triển ngành nghề nông thôn, trong đó tập trung các chính sách về: đất đai, đầu tư, bảo hiểm, tín dụng, tổ chức sản xuất, xúc tiến thương mại.

- Có chính sách khuyến khích, hỗ trợ các thành phần kinh tế đầu tư vào ngành nghề nông thôn; ưu tiên thu hút đầu tư phát triển dịch vụ, cơ sở hạ tầng, logistics và các công nghiệp phụ trợ phục vụ sản xuất, kinh doanh ngành nghề nông thôn.

- Nghiên cứu xây dựng các chính sách, giải pháp nhằm đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, bảo đảm quản lý thống nhất, hiệu lực, hiệu quả; phát huy tính chủ động, sáng tạo, trách nhiệm của từng cấp, từng ngành, nâng cao trách nhiệm người đứng đầu; tăng cường phân cấp đi đôi với giám sát, kiểm tra.

2. Tổ chức lại sản xuất và hình thành các trung tâm sáng tạo

- Tăng cường mô hình liên kết giữa doanh nghiệp - hợp tác xã - người dân, trong đó doanh nghiệp giữ vai trò chủ đạo, nòng cốt, dẫn dắt, hợp tác xã là trung gian giữa doanh nghiệp và người dân.

- Khuyến khích, hỗ trợ các doanh nghiệp, hiệp hội xây dựng các trung tâm sáng tạo, chương trình khởi nghiệp của hoạt động ngành nghề nông thôn.

- Ứng dụng máy móc, thiết bị công nghệ và hỗ trợ cải tạo, nâng cấp cơ sở sản xuất, kinh doanh ngành nghề nông thôn.

- Đẩy mạnh xây dựng thương hiệu, sở hữu trí tuệ, chỉ dẫn địa lý, truy xuất nguồn gốc sản phẩm ngành nghề nông thôn, làng nghề.

- Đầu tư cụm công nghiệp làng nghề phù hợp với quy hoạch và điều kiện của địa phương; chú trọng phát triển công nghiệp hỗ trợ và dịch vụ logistics trong các làng nghề.

3. Bảo vệ môi trường gắn với phát triển du lịch nông thôn

- Tập trung xử lý ô nhiễm môi trường tại các làng nghề, làng nghề truyền thống; kiên quyết di dời cơ sở sản xuất gây ô nhiễm vào các cụm công nghiệp.

- Khuyến khích sử dụng nguyên liệu tái tạo, thân thiện môi trường và tận dụng các phế phụ phẩm của nguyên liệu làm đầu vào cho các sản phẩm khác.

- Xây dựng mô hình phát triển du lịch làng nghề, du lịch trải nghiệm, du lịch sinh thái mang tính đặc trưng vùng, miền.

- Tổ chức lễ hội truyền thống, hội thi quảng bá, giới thiệu những nét đặc sắc văn hóa của sản phẩm làng nghề; tôn vinh các nghệ nhân, thợ giỏi làm cơ sở xem xét phong tặng, công nhận nghệ nhân.

4. Xây dựng các vùng nguyên liệu tập trung

- Khuyến khích và hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã đầu tư các vùng nguyên liệu tập trung, quy mô lớn, có chứng chỉ bền vững, phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc tế, thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng trong vùng nguyên liệu phục vụ sản xuất, khai thác, sơ chế, chế biến; nghiên cứu, chọn tạo, công nhận chuyển giao các loại giống mới, năng suất cao, đảm bảo chất lượng.

5. Phát triển nguồn nhân lực

- Hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng lãnh đạo, quản lý, chuyển đổi số cho doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực ngành nghề nông thôn.

- Đào tạo nâng cao tay nghề; bổ sung các kiến thức về khoa học công nghệ, quy trình sản xuất, công nghệ thông tin, thiết kế, đổi mới mẫu mã sản phẩm cho người lao động. Ưu tiên đào tạo lao động tại doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ sản xuất, vùng nguyên liệu tập trung, cụm công nghiệp.

- Xây dựng mô hình liên kết đào tạo giữa các cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất trong lĩnh vực ngành nghề nông thôn.

- Đào tạo nâng cao nghề, chuyển đổi một bộ phận lao động nông nghiệp sang các hoạt động ngành nghề nông thôn.

6. Phát triển thị trường và hội nhập quốc tế

- Khuyến khích, hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, cơ sở sản xuất đưa các sản phẩm lên hệ thống phân phối, trung tâm thương mại, siêu thị, điểm du lịch, kênh thương mại điện tử.

- Xây dựng hệ thống thông tin, nâng cao năng lực dự báo thị trường sản phẩm ngành nghề nông thôn; hỗ trợ năng lực tiếp cận thị trường cho doanh nghiệp, hợp tác xã và cơ sở sản xuất gắn với các chương trình xúc tiến thương mại.

- Mở rộng hợp tác quốc tế, chuyển giao công nghệ mới, tiên tiến, nhất là công nghệ về thiết kế mẫu mã, chế biến, bảo quản, công nghệ giống, công nghệ môi trường, tái sử dụng phụ phẩm.

7. Nâng cao vai trò các hiệp hội ngành nghề nông thôn

- Phát huy vai trò các hiệp hội nghiên cứu, phối hợp với các cơ quan chức năng trong đàm phán, mở cửa thị trường; giải quyết và tháo gỡ hàng rào kỹ thuật, các tranh chấp pháp lý quốc tế.

- Nâng cao vị thế, vai trò của hiệp hội trong tiếp nhận, triển khai, phản biện, xây dựng và thực thi chính sách của Nhà nước.

8. Truyền thông và nâng cao nhận thức

- Tăng cường tuyên truyền nâng cao nhận thức của cấp ủy, chính quyền và người dân về vai trò, tầm quan trọng của phát triển ngành nghề nông thôn trong phát triển kinh tế - xã hội.

- Đa dạng hình thức truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng, mạng xã hội cho cơ sở sản xuất, doanh nghiệp, hợp tác xã, người dân.

V. NGUỒN VỐN THỰC HIỆN

1. Nguồn vốn nhà nước (ngân sách trung ương/ngân sách địa phương) theo quy định hiện hành.

2. Lồng ghép trong các Chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình, dự án của trung ương và địa phương.

3. Huy động từ các nhà tài trợ nước ngoài, các tổ chức quốc tế, các doanh nghiệp, tổ chức cá nhân trong, ngoài nước và các nguồn vốn hợp pháp khác.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành và địa phương tổ chức thực hiện có hiệu quả Chiến lược này.

- Xây dựng các chương trình, đề án, dự án triển khai, thực hiện mục tiêu và nội dung của Chiến lược.

- Phối hợp với các bộ, ngành và địa phương rà soát, sửa đổi, bổ sung trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ xem xét, ban hành các cơ chế chính sách bảo tồn, phát triển ngành nghề nông thôn.

- Kiến nghị những vấn đề phát sinh, vượt thẩm quyền, bổ sung, điều chỉnh Chiến lược phù hợp với điều kiện thực tiễn.

- Tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Chiến lược báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

2. Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo chức năng, nhiệm vụ được giao phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nghiên cứu, hoàn thiện các chính sách về đầu tư, tài chính, tín dụng cho phát triển ngành nghề nông thôn.

3. Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng khoa học, công nghệ trong sản xuất sản phẩm; hoàn thiện tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia; xây dựng thương hiệu, sở hữu trí tuệ, chỉ dẫn địa lý, truy xuất nguồn gốc các sản phẩm ngành nghề nông thôn.

4. Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương bố trí quỹ đất cho phát triển vùng nguyên liệu, mặt bằng cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của lĩnh vực ngành nghề nông thôn trong quá trình lập, phê duyệt quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; hướng dẫn, kiểm tra, đánh giá, áp dụng các giải pháp, công nghệ tiên tiến, hiện đại nhằm khắc phục, hạn chế ô nhiễm môi trường tại các làng nghề.

5. Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn triển khai các chính sách, giải pháp thúc đẩy thị trường, xúc tiến thương mại cho sản phẩm ngành nghề nông thôn.

6. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn triển khai các hoạt động thúc đẩy phát triển du lịch nông thôn, chú trọng phát triển các sản phẩm du lịch dựa trên các giá trị đặc sắc của ngành nghề nông thôn, văn hóa, không gian, lễ hội của làng nghề, làng nghề truyền thống, ghi danh các nghề thủ công truyền thống vào danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia.

7. Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thông tin tuyên truyền về các sản phẩm ngành nghề nông thôn và các tua, tuyến, khu vực và sản phẩm du lịch gắn làng nghề truyền thống; hỗ trợ chuyển đổi số trong quản lý và phát triển các sản phẩm ngành nghề nông thôn.

8. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng chương trình đào tạo những nghề mới theo nhu cầu của thị trường lao động; tổ chức đào tạo lại, đào tạo thường xuyên cho lao động

gắn với chuyển đổi nghề nghiệp; hỗ trợ đào tạo nghiệp vụ sư phạm, kỹ năng dạy học cho nghệ nhân, thợ giỏi và khuyến khích nghệ nhân, thợ giỏi tham gia đào tạo nghề cho lao động.

9. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm:

a) Tổ chức thực hiện Chiến lược phát triển ngành nghề nông thôn phù hợp với điều kiện, tiềm năng, lợi thế của địa phương.

b) Triển khai xây dựng các vùng nguyên liệu tập trung, phục vụ cho phát triển ngành nghề nông thôn, cơ sở hạ tầng làng nghề theo quy hoạch cấp tỉnh.

c) Tổ chức triển khai giám sát, đánh giá kết quả thực hiện các nội dung của Chiến lược.

d) Thực hiện phân công trách nhiệm, rà soát chính sách, chủ động bố trí nguồn vốn tham gia thực hiện các nội dung của Chiến lược.

10. Các hội, hiệp hội nghề nghiệp, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức nghề nghiệp theo chức năng, nhiệm vụ, chủ động phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các địa phương và các cơ quan liên quan xây dựng kế hoạch hỗ trợ thực hiện các nội dung của Chiến lược; tích cực tổ chức thực hiện các nội dung được phân công nhằm bảo tồn và phát triển ngành nghề nông thôn.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Trần Lưu Quang